

Số: 290 /KH-UBND

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2022

## KẾ HOẠCH

### **Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Thực hiện Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1271/QĐ-BKHĐT ngày 05/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Chiến lược phát triển Thống kê), với các nội dung như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Hiện đại hóa ngành Thống kê theo hướng đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và vững chắc với hệ thống tổ chức phù hợp; nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên nghiệp; công nghệ hiện đại; sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế; hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung, thống nhất, thông suốt, chất lượng và hiệu quả; đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê ngày càng tăng. Phấn đấu đến năm 2030, Thống kê Hà Nội nói riêng và Thống kê Việt Nam nói chung đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN và đến năm 2045 trở thành hệ thống thống kê hiện đại trên thế giới.

### **2. Yêu cầu**

Sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời, minh bạch và dễ tiếp cận; dữ liệu thống kê nhà nước là dữ liệu cốt lõi trong hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, chỉ đạo, điều hành của Nhà nước trong giám sát, đánh giá, xây dựng và thực hiện chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đồng thời đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật.

Phát triển nhanh, vững chắc dựa vào nhân lực chất lượng cao, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số và tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 gắn với quá trình hội nhập thống kê quốc tế để sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê phù hợp chuẩn mực và thông lệ quốc tế, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê ngày càng tăng của xã hội.

Tạo lập đầy đủ, đồng bộ và kịp thời về môi trường pháp lý, bộ máy tổ chức, nguồn nhân lực, tài lực, hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông và cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động thống kê.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

### **1. Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực**

Phối hợp xây dựng, sửa đổi và triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê.

Đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức hệ thống thống kê tập trung để hoạt động hiệu lực, hiệu quả, theo hướng chuyên môn hóa, giảm thiểu các đơn vị đầu mối, thích ứng với yêu cầu mới.

Phát triển, thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp; tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ đối với các vùng khó khăn.

Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân lực theo hướng nâng cấp hệ thống đào tạo, chương trình, nội dung, hình thức, cấp độ đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu các cấp, các ngành, địa phương. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu khoa học thống kê và khoa học dữ liệu. Tăng cường hợp tác, liên kết trong công tác đào tạo, bồi dưỡng. Xây dựng văn hóa học tập thường xuyên, liên tục trong hệ thống thống kê.

### **2. Áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê**

Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê, các quy trình sản xuất thông tin thống kê làm cơ sở để thực hiện tự liệu hóa và đánh giá chất lượng thông tin thống kê.

### **3. Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu**

Tăng cường áp dụng phương pháp luận tiên tiến, hiện đại; đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê. Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê, trên cơ sở kết nối, chia sẻ dữ



liệu với các Sở, ban, ngành, địa phương trong vùng. Đổi mới mạnh mẽ thiết kế điều tra và tổng điều tra thống kê theo hướng tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra để tăng độ tin cậy của dữ liệu và giảm gánh nặng cho các đối tượng cung cấp thông tin. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê.

Quản trị dữ liệu theo hướng tập trung và mở trên nền tảng kiến trúc tổng thể và công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu. Tích hợp các nguồn dữ liệu khác nhau hướng tới dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực. Hình thành cơ sở dữ liệu thống kê tập trung, thống nhất.

Đẩy nhanh tự động hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê: Thực hiện thường xuyên, liên tục việc ghi chép, ghi nhận hoạt động trong lĩnh vực thống kê theo quy trình sản xuất thông tin thống kê và hoạt động quản lý, điều hành; chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ và quản lý trên không gian mạng.

#### **4. Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê**

Nghiên cứu, áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ tiên tiến, hiện đại để nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê.

Biên soạn đầy đủ, chi tiết chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê. Chú trọng nâng cao chất lượng chỉ tiêu thống kê xã hội, môi trường và chỉ tiêu thống kê phản ánh năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế.

Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê; đẩy mạnh hình thức trực quan hóa dữ liệu. Xây dựng trang thông tin điện tử của Cục Thống kê thành phố Hà Nội.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, đa dạng hóa hình thức và phương tiện truyền thông nhằm nâng cao nhận thức vai trò, tầm quan trọng của thống kê. Chú trọng sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội để phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê, kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê. Tăng cường tương tác với người cung cấp và người sử dụng thông tin thống kê.

#### **5. Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê**

Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân; tập trung vào việc cung cấp dữ liệu hành chính của các cơ quan nhà nước.

Đẩy mạnh kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được cấp có thẩm quyền công bố.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Luật Thống kê, tiêu chuẩn, quy trình sản xuất thông tin thống kê của các cơ quan thống kê thuộc hệ thống thống kê tập trung, tổ chức thống kê Sở, ban, ngành, hoạt động thống kê ở cấp xã, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.



## **6. Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê**

Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê. Tiếp tục đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Hà Nội được đảm bảo từ các nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Cục Thống kê Thành phố:** Là cơ quan Thường trực triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn Thành phố. Căn cứ vào từng nội dung của Kế hoạch, tham mưu UBND Thành phố triển khai thực hiện.

Chủ động cung cấp thông tin về các hoạt động triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn Thành phố cho các Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã, các cơ quan báo chí để thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền hiệu quả.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chiến lược phát triển thống kê trên địa bàn Thành phố, định kỳ hằng năm tiến hành báo cáo tình hình và kết quả thực hiện, gửi UBND Thành phố; tham mưu UBND Thành phố xây dựng báo cáo gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

**2. Sở Tài chính:** Trên cơ sở Kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt, hàng năm căn cứ khả năng cân đối ngân sách cấp Thành phố, Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố bố trí kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

**3. Sở Kế hoạch và Đầu tư** phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thống kê Thành phố và Sở, ban, ngành thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo Kế hoạch.

**4. Sở Nội vụ** chủ trì, phối hợp Cục Thống kê Thành phố tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác thống kê tại các Sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc; UBND các quận, huyện, thị xã; công chức Văn phòng - Thống kê xã, phường, thị trấn. Nghiên cứu cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao; Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao... và thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

5. Sở Tư pháp chủ trì, tham mưu Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Luật Thống kê bằng hình thức phù hợp và thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

6. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp Cục Thống kê Thành phố và các Sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn các cơ quan báo chí Thành phố, cơ quan báo chí Trung ương ký chương trình phối hợp công tác với Thành phố và chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền về nội dung và công tác triển khai Chiến lược trên địa bàn Thành phố và thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

7. Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội, Báo Hà Nội mới, cổng Thông tin điện tử thành phố Hà Nội phối hợp với Cục Thống kê Thành phố tổ chức tuyên truyền nội dung Chiến lược phát triển Thống kê đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố.

8. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị liên quan chỉ đạo cán bộ, bộ phận chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nội dung công việc được phân công. Căn cứ vào từng nội dung công việc được giao, xây dựng Kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê trên địa bàn Thành phố theo lĩnh vực của đơn vị quản lý.

*(Chi tiết nhiệm vụ tại phụ lục kèm theo)*

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Cục Thống kê Thành phố để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND quận, huyện, thị xã;
- Thành viên BCĐ Thành phố;
- Tổ Thư ký giúp việc BCĐ Thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu VT, KTTH.

9060 - 5

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hà Minh Hải**





**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021 - 2030,**  
**TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 290 /KH-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Hà Nội)*

STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
<b>I</b>	<b>CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP</b>						
<b>1</b>	<b>Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực</b>	<b>01</b>					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.1	Góp ý sửa đổi Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0111	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	2027	2030	Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung
1.1.2	Góp ý dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi được xin ý kiến		Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành		Tháng 12/2022	Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.3	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	01128	Cục Thống kê	Sở Tư pháp; Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã	2022	2030	Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 được triển khai, áp dụng thống nhất
1.2	Kiện toàn đội ngũ thống kê Sở, ban, ngành; củng cố nhân lực thống kê cho sở, ban, ngành và thống kê xã, phường, thị trấn	0123	Sở Nội vụ	Các ở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã	2022	2030	- KIỆN TOÀN MÔ HÌNH TỔ CHỨC; - Đề xuất bổ sung nhân lực; - Số lượng công chức làm công tác thống kê.
1.3	Phát triển nguồn nhân lực	013					
1.3.1	Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp	0131					
1.3.1.1	Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao	01311	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã		Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao
1.3.1.2	Nghiên cứu cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao	01312	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã		Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định của nhà nước

STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.1.3	Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao	01313	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã		Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao
1.3.2	Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	0132					
1.3.2.1	Xây dựng chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	01321	Sở Nội vụ	Cục Thống kê; các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	2022	2030	Chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được ban hành
1.3.2.2	Huy động các chuyên gia, nhà khoa học trong các nhóm lĩnh vực tham gia một số hoạt động trong công tác thống kê	01322	Cục Thống kê	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	2022	2030	- Danh sách, kèm thông tin trích ngang liên quan của chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; - Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê.



STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.2.3	Tổ chức các khóa học, lớp bồi dưỡng về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin... với sự tham gia giảng dạy của các chuyên gia	01324	Sở Nội vụ	Cục Thống kê; các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã		Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng khóa học, lớp bồi dưỡng được tổ chức có các chuyên gia về lĩnh vực khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin tham gia giảng dạy;</li> <li>- Số lượt công chức, viên chức tham dự các khóa học, lớp bồi dưỡng.</li> </ul>
1.3.3	Ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ đối với các vùng khó khăn	0133					
1.3.3.1	Nghiên cứu tiêu chí ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ trong kế hoạch tuyển dụng người làm công tác thống kê	01331	Sở Nội vụ	Cục Thống kê; các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã		Hàng năm	Ban hành các văn bản quy định các tiêu chí ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ
1.3.3.2	Triển khai thực hiện chính sách của Đảng, nhà nước về tuyển dụng, tiếp nhận... đối với công chức, viên chức thống kê tại vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi	01332	Sở Nội vụ	Cục Thống kê; các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã		Hàng năm	Số lượng công chức, viên chức tại vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi được tuyển dụng, tiếp nhận
1.4	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng	014					

STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.1	Rà soát, đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê	01451					
1.4.1.1	Rà soát, đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê thuộc hệ thống thống kê tập trung		Cục Thống kê			Hàng năm	Báo cáo đánh giá hiện trạng và nhu cầu đào tạo nhân lực thống kê nhà nước
1.4.1.2	Rà soát, đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê tại các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã		Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã		Hàng năm	Báo cáo đánh giá hiện trạng và nhu cầu đào tạo nhân lực thống kê của Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã
1.4.1.3	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm, 5 năm	01453	Sở Nội vụ	Cục Thống kê		Hàng năm	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được phê duyệt
1.4.1.4	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho người làm công tác thống kê tại các Sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc; UBND các quận, huyện, thị xã, công chức Văn phòng - Thống kê xã, phường, thị trấn	01454	Sở Nội vụ	Cục Thống kê; các Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã		Hàng năm	- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng do Thành phố tổ chức; - Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Thành phố tổ chức;
1.4.1.5	Tổ chức các khóa bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê cho lãnh đạo các cơ quan, Sở, ban, ngành	01455	Sở Nội vụ	Cục Thống kê; các Sở, ban, ngành	2023	2030	- Số lượng khóa bồi dưỡng phổ biến kiến thức thống kê; - Số lượng lãnh đạo được bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê.



STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.2	Hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo trong công tác đào tạo, bồi dưỡng	0146	Sở Nội vụ	Cục Thống kê		Hàng năm	- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng.
<b>2</b>	<b>Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê</b>	<b>02</b>					
2.1	Rà soát lại tiêu chuẩn thống kê đang sử dụng	02231	Cục Thống kê	Các Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã	2025	2026	Tiêu chuẩn thống kê được rà soát
2.2	Triển khai áp dụng tiêu chuẩn thống kê do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành	02233	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	2026	2030	- Số sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố triển khai áp dụng các tiêu chuẩn thống kê ban hành; - Số tiêu chuẩn thống kê ban hành được triển khai áp dụng.
2.3	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	024					

STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.3.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê	0241	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	2024	2025	- Kế hoạch áp dụng các quy trình sản xuất thông tin thống kê; - Số lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê.
2.3.2	Triển khai các hoạt động thống kê bảo đảm đúng các bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê	0242					
2.3.2.1	Cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	02421	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	2024	2025	Số lượng các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê
2.3.2.2	Áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	02422	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	2024	2025	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
<b>3</b>	<b>Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu</b>	<b>03</b>					
3.1	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu	031					



STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.1	Đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê	0311					
3.1.1.1	Đa dạng hoá hình thức thu thập thông tin thống kê	03111	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng các phần mềm phục vụ thu thập thông tin thống kê do Tổng cục Thống kê xây dựng;</li> <li>- Số lượng các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê sử dụng phiếu điều tra điện tử thay cho phiếu giấy.</li> </ul>
3.1.1.2	Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý thông kê; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kiểm tra, giám sát, xử lý thông tin thống kê	03112	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống xử lý thông tin thống kê;</li> <li>- Các hệ thống công nghệ thông tin (phần cứng, phần mềm) phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê.</li> </ul>
3.1.2	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê	0312					

STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.1	Xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với thống kê sở, ban, ngành trên địa bàn Thành phố	03121	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với các sở, ban, ngành
3.1.2.2	Xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan	03122	Các Sở, ban, ngành	Cục Thống kê	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan
3.1.2.3	Sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước trong sản xuất thông tin thống kê	03123	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	2022	2030	- Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu hành chính; - Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu sẵn có.
3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313					



STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.3.1	Tích hợp các cuộc điều tra có cùng lĩnh vực và đối tượng	03131	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2030	Số lượng cuộc điều tra được tích hợp
3.1.3.2	Tin học hóa toàn bộ quy trình điều tra thống kê	03132	Cục Thống kê	Sở Thông tin và Truyền thông	2023	2030	Các bước trong quy trình điều tra thống kê được tin học hóa
3.1.3.3	Ứng dụng công nghệ thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin	03133	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	2025	2030	Kết quả ứng dụng các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin.
3.1.4	Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê	0314					
3.1.4.1	Rà soát, đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở; đề xuất giải pháp sử dụng dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê	03145	Cục Thống kê	các sở, ban, ngành	2023	2030	- Danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê; - Giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê.
<b>4</b>	<b>Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê</b>	<b>04</b>					
4.1	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	042					

STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (* )	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.1.1	Áp dụng khung lý thuyết chung được xây dựng để thực hiện các hoạt động phân tích và dự báo thống kê	04221	Sở, ban, ngành	Cục Thống kê	2022	2030	Sổ báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại
4.1.2	Áp dụng công cụ phần mềm tiên tiến đã nghiên cứu để thực hiện các báo cáo phân tích và dự báo thống kê	04222	Sở, ban, ngành	Cục Thống kê	2022	2030	Các chuyên đề phân tích và dự báo được áp dụng công cụ hiện đại
4.1.3	Tổ chức thu thập, sử dụng số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo của ngành, lĩnh vực phụ trách	04223	Sở, ban, ngành	Cục Thống kê	2022	2030	Hệ thống số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo kinh tế vĩ mô, công tác kiểm sát
4.2	Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê	043					
4.2.1	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	0431					
4.2.1.1	Rà soát lại các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm theo hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã được ban hành	04311	Cục Thống kê, UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành	2022	2030	Danh mục chỉ tiêu kinh tế - xã hội được rà soát theo hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã



STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.2.1.2	Tăng cường biên soạn thông tin thống kê về kinh tế - xã hội; các chỉ tiêu kinh tế số, logistic	04312	Các sở, ban, ngành	Cục Thống kê	2022	2030	Số lượng báo cáo kinh tế xã hội tháng, quý, năm, các báo cáo phân tích và dự báo thống kê có biên soạn thông tin thống kê về các chỉ tiêu kinh tế số, logistic
4.2.2	Đổi mới hình thức trong biên soạn thông tin thống kê	04324					
4.2.2.1	Ứng dụng công cụ hiện đại để biên soạn thông tin thống kê dưới dạng video phục vụ họp báo kinh tế - xã hội	04322	Cục Thống kê		2023	2030	Các video thể hiện thông tin thống kê quý, năm được biên soạn phục vụ họp báo kinh tế - xã hội
4.2.2.2	Chuẩn hóa maket số liệu kinh tế - xã hội		Cục Thống kê		2023	2030	Số lượng maket số liệu kinh tế - xã hội được chuẩn hóa
4.2.2.3	Xuất bản Niên giám Thống kê điện tử		Cục Thống kê		2023	2030	Niên giám Thống kê điện tử
4.3	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê	044					
4.3.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0441					

STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.1.1	Sử dụng mạng xã hội (facebook, zalo), phương tiện truyền thông, trang web của các Sở, ban, ngành để phổ biến thông tin thống kê	04411	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện		Hàng năm	Thông tin thống kê được phổ biến bằng hình thức mới.
4.3.1.2	Phổ biến các thông tin thống kê theo các chỉ tiêu thống kê mới được quy định trong Quyết định ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	04412	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện		Hàng năm	Thông tin thống kê các chỉ tiêu mới được phổ biến trong các ấn phẩm thống kê: Niên giám thống kê ...
4.3.1.3	Phổ biến số liệu thống kê theo hình thức thân thiện với người dùng tin (trên các nền tảng và hình thức biên soạn infographic, bảng, biểu đồ thị phù hợp với số liệu nhiều năm)	04414	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện			Số sản phẩm thống kê được phổ biến rộng rãi trên trang web của Cục Thống kê và các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
4.3.1.4	Xây dựng Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn Thành phố	04415	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn thành phố
4.3.1.5	Tăng cường phổ biến thông tin về vùng Đồng bằng Sông hồng; vùng kinh tế trọng điểm bắc bộ	04416	Cục Thống kê	Cục Thống kê các địa phương trong vùng	2022	2030	Thông tin về kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng Sông hồng, vùng kinh tế trọng điểm bắc bộ được phổ biến trong buổi họp báo, ấn phẩm, website...



STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.1.6	Xây dựng, cập nhật, nâng cấp trang thông tin điện tử của Cục Thống kê	04417	Cục Thống kê	Sở Thông tin và Truyền thông	2023	2030	Website của Cục Thống kê được xây dựng, cập nhật, nâng cấp
4.4	Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê	045					
4.4.1	Tổ chức tuyên truyền trên báo chí và hệ thống thông tin cơ sở về vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê và công tác triển khai Kế hoạch trên địa bàn Thành phố	04512	Sở Thông tin và Truyền thông	Cục Thống kê; UBND các quận, huyện, thị xã; Các cơ quan báo chí	2022	2030	Số buổi phát thanh, truyền hình, số bài báo tuyên truyền về công tác thống kê
4.4.2	Tổ chức tuyên truyền trên các ấn phẩm thống kê và các hình thức, phương tiện khác	04513	Cục Thống kê		2022	2030	Số ấn phẩm tuyên truyền; số lần tuyên truyền bằng các hình thức, phương tiện khác
<b>5</b>	<b>Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê</b>	<b>08</b>					
5.1	Đẩy mạnh kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được cấp có thẩm quyền công bố	082					
5.1.1	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với sở, ban, ngành	0822	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2021	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.

STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.1.2	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với UBND cấp huyện	0823	Cục Thống kê	UBND quận, huyện, thị xã	2023	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
5.1.3	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với UBND cấp xã	0824	Cục Thống kê	UBND xã, phường, thị trấn	2026	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
<b>6</b>	<b>Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê</b>	<b>09</b>					
6.1	Bảo đảm kinh phí thực hiện CLTK21-30	091					
6.1.1	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược	0911	Cục Thống kê; các Sở được giao nhiệm vụ chủ trì	Sở Tài chính		Hàng năm	Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm của Cục thống kê và các sở, ban, ngành được phê duyệt
6.1.2	Phân bổ kinh phí thực hiện chiến lược	0912	Sở Tài chính	Sở KH&ĐT; Cục Thống kê; các Sở, ban, ngành		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK trên địa bàn được phân bổ cho các đơn vị thực hiện
6.1.3	Kinh phí thực hiện thực hiện chiến lược		Sở Tài chính	Sở KH&ĐT		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK trên địa bàn



STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.2	Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê	092					
6.2.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê Thành phố	0921	Cục Thống kê	Sở KH&ĐT; Sở Tài chính; các Sở, ban, ngành	2022	2030	Dự toán kinh phí hằng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được UBND Thành phố phê duyệt
6.2.2	Phân bổ kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hoạt động thống kê tại địa phương	0922	Sở Tài chính	Sở KH&ĐT; Cục Thống kê	2022	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hằng năm được phân bổ
6.3	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê	094					
6.3.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê trên địa bàn (phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê)	0941	Cục Thống kê	Sở KH&ĐT; Sở Tài chính; các Sở, ban, ngành	2024	2030	Dự toán kinh phí Đề án hằng năm của công tác thống kê trên địa bàn được phê duyệt

STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.3.2	Bảo đảm kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê trên địa bàn	0942	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành	2024	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương tiện và trang thiết bị làm việc cơ quan thống kê tập trung, thống kê sở, ban, ngành</li> <li>- Kế hoạch phân bổ (bao gồm hoạt động về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực như đào tạo, bồi dưỡng).</li> </ul>
<b>II</b>	<b>CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC</b>						
7	<b>Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược</b>	<b>10</b>					
7.1	Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ Thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30	101					
7.1.1	Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ Thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược	10121	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành liên quan		8/2022	Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ Thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược trên địa bàn thành phố Hà Nội



STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.1.2	Kiện toàn nhân sự Ban Chỉ đạo và Tổ Thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược	10122	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành liên quan		2026	Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ Thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược trên địa bàn thành phố Hà Nội
7.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30	102					
7.2.1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 trên địa bàn thành phố Hà Nội	10221	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành		Tháng 11/2022	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 trên địa bàn TP Hà Nội được ban hành
7.2.2	Cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 trên địa bàn thành phố Hà Nội	10222	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành		2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 trên địa bàn thành phố Hà Nội được cập nhật
7.3	Tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược trên địa bàn thành phố	1033	Cục Thống kê	Văn phòng UBND thành phố; Sở Nội vụ		Tháng 12/2022	01 hội nghị do UBND Thành phố chủ trì (giao Cục Thống kê Thành phố triển khai thực hiện)
8	<b>Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược</b>	11					
8.1	Góp ý dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	1112	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã			Tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30

STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
8.1.1	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	1132	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã		Hàng năm	Kết quả thực hiện CLTK21-30 hằng năm được báo cáo trên phần mềm
8.2	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	114					
8.2.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30	1141	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã		Hàng năm	Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hằng năm
8.2.2	Xây dựng báo cáo về tình hình thực hiện CLTK21-30	1142	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã		2023; 2027	Báo cáo tình hình thực hiện CLTK21-30 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư
8.3	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	1143					
8.3.1	Biên soạn báo cáo sơ kết tình hình thực hiện CLTK21-30 trên địa bàn Thành phố	11432	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã		Tháng 12/2025	Báo cáo sơ kết gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư
8.3.2	Tổ chức Hội nghị sơ kết thực hiện CLTK21-30	11434	Cục Thống kê	Văn phòng UBND Thành phố		Tháng 01/2026	Hội nghị sơ kết



STT	Nội dung công việc	Mã số chỉ tiêu CLTK Việt Nam (*)	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
8.4	Tổng kết thực hiện CLTK21-30	1144					
8.4.1	Biên soạn báo cáo tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30 trên địa bàn Thành phố	11442	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã		Tháng 10/2030	Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30
8.4.2	Tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện CLTK21-30	11444	Cục Thống kê	Văn phòng UBND Thành phố		Tháng 11/2030	Hội nghị tổng kết thực hiện CLTK21-30

(\*) Theo Quyết định số 1271/QĐ-BKHĐT ngày 05/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư